

Số: 1105/QĐ-HVNVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc của Mạng lưới bảo đảm chất lượng
Học viện Phụ nữ Việt Nam**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế làm việc của Mạng lưới Bảo đảm chất lượng Học viện Phụ nữ Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Phụ nữ Việt Nam và các thành viên Mạng lưới Bảo đảm chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&BDCL.



PGS.TS. Trần Quang Tiến

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA MẠNG LƯỚI BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-HVPNVN ngày 15 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về vị trí, mục đích, nguyên tắc, cơ cấu, nhiệm vụ, chế độ làm việc và quan hệ phối hợp của Mạng lưới bảo đảm chất lượng Học viện Phụ nữ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Mạng lưới BDCL).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Mạng lưới BDCL, các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo đảm chất lượng của Học viện.

Điều 2. Vị trí và mục đích hoạt động của Mạng lưới BDCL

1. Mạng lưới BDCL là cơ chế phối hợp nghiệp vụ bảo đảm chất lượng giữa Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng với các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện; không phải là một đơn vị tổ chức độc lập và không thay thế chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các đơn vị theo quy định của Học viện.

2. Mạng lưới BDCL hỗ trợ triển khai đồng bộ hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act), gắn hoạt động bảo đảm và cải tiến chất lượng với sứ mạng, chiến lược, kế hoạch và mục tiêu chất lượng của Học viện.

3. Tăng cường phối hợp trong giám sát, đo lường, đánh giá, tự đánh giá, kiểm định chất lượng, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra, khảo sát các bên liên quan, quản lý dữ liệu và minh chứng, theo dõi cải tiến chất lượng.

4. Góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của viên chức, người lao động; thúc đẩy cải tiến liên tục và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn Học viện.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của cơ quan chủ quản và các quy chế, quy định, quy trình của Học viện.

2. Bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; xác định rõ đầu mối, trách nhiệm phối hợp; không chồng chéo, không làm thay nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

3. Chủ động, hợp tác, kịp thời, hiệu quả; lấy người học và chất lượng hoạt động của Học viện làm trọng tâm; hướng tới cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình.

4. Thông tin, dữ liệu, minh chứng phải đầy đủ, chính xác, nhất quán, có khả năng kiểm chứng, được cập nhật và lưu trữ theo quy định; ưu tiên khai thác, chia sẻ trên các hệ thống số và cơ sở dữ liệu dùng chung của Học viện.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch đối với thông tin được phép công khai; bảo mật thông tin, dữ liệu và tài liệu theo quy định của pháp luật và của Học viện.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU, NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MẠNG LƯỚI

Điều 4. Cơ cấu Mạng lưới BDCL

1. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao phụ trách lĩnh vực bảo đảm chất lượng của Học viện Phụ nữ Việt Nam là người chỉ đạo chung hoạt động của Mạng lưới BDCL.
2. Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là Trưởng điều phối; Phó Trưởng phòng phụ trách lĩnh vực bảo đảm chất lượng là Phó điều phối; viên chức của Phòng được phân công thực hiện nhiệm vụ thư ký, theo dõi và tổng hợp các hoạt động của Mạng lưới.
3. Thành viên Mạng lưới BDCL là viên chức được các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện cử làm đầu mối bảo đảm chất lượng. Mỗi phòng, viện, trung tâm và đơn vị tương đương cử ít nhất 01 thành viên; mỗi khoa cử thành viên phù hợp với số ngành học do khoa phụ trách để bảo đảm đầu mối theo chương trình đào tạo.
4. Danh sách thành viên Mạng lưới BDCL do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và đề cử của các đơn vị. Khi có thay đổi nhân sự, đơn vị có trách nhiệm đề xuất kiện toàn kịp thời.

Điều 5. Nhiệm vụ của Trưởng điều phối, Phó điều phối Mạng lưới BDCL

1. Trưởng điều phối chịu trách nhiệm điều phối chung hoạt động của Mạng lưới BDCL; Phó điều phối giúp Trưởng điều phối và thực hiện nhiệm vụ theo phân công hoặc ủy quyền.
2. Tiếp nhận, truyền đạt và điều phối việc triển khai các nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng thuộc phạm vi hoạt động của Mạng lưới theo chỉ đạo, kế hoạch và yêu cầu của Học viện.
3. Hướng dẫn, kết nối, theo dõi và đôn đốc các thành viên Mạng lưới thực hiện nhiệm vụ; tổng hợp tiến độ, kết quả và những khó khăn, vướng mắc để báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.
4. Tổ chức các hoạt động trao đổi, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cần thiết phục vụ hoạt động của Mạng lưới và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Học viện.

Điều 6. Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Mạng lưới BDCL

1. Là đầu mối thông tin về bảo đảm chất lượng tại đơn vị, tiếp nhận và truyền đạt kịp thời các kế hoạch, yêu cầu, hướng dẫn và nhiệm vụ của Mạng lưới đến người đứng đầu và các cá nhân có liên quan trong đơn vị.
2. Theo dõi, nhắc việc và phối hợp nắm bắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm chất lượng của đơn vị; kịp thời thông tin về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc cho người đứng đầu đơn vị và Trưởng điều phối, Phó điều phối Mạng lưới.
3. Làm đầu mối phối hợp trong việc tổng hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, minh chứng của đơn vị theo yêu cầu của Mạng lưới; không chịu trách nhiệm thay cho

cá nhân, bộ phận hoặc người đứng đầu đơn vị về nội dung chuyên môn và tính chính xác của thông tin, dữ liệu thuộc trách nhiệm của các chủ thể đó.

4. Tham gia các cuộc họp, tập huấn, trao đổi nghiệp vụ của Mạng lưới; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ đầu mối khác theo phân công.

Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị có thành viên Mạng lưới BDCL

1. Cử viên chức có năng lực, trách nhiệm và điều kiện phù hợp tham gia Mạng lưới; kịp thời cử người thay thế khi thành viên thay đổi công tác hoặc không còn đáp ứng yêu cầu.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bảo đảm và cải tiến chất lượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn, dữ liệu, mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả thuộc lĩnh vực được giao.

3. Tạo điều kiện về thời gian, thông tin, dữ liệu và các nguồn lực cần thiết để thành viên Mạng lưới thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm việc phối hợp không làm gián đoạn nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

4. Chỉ đạo cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, dữ liệu, hồ sơ, minh chứng; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả cải tiến chất lượng của đơn vị.

5. Xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chất lượng và trách nhiệm phối hợp khi đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân có liên quan theo quy định của Học viện.

CHƯƠNG III NỘI DUNG VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Nội dung hoạt động của Mạng lưới Bảo đảm chất lượng

1. Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và văn hóa chất lượng.

2. Phối hợp triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; trao đổi, phản ánh các vấn đề liên quan đến quy trình, công cụ và chỉ số chất lượng.

3. Phối hợp thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo; chuẩn bị đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng; tổng hợp, cập nhật hồ sơ, dữ liệu và minh chứng phục vụ đánh giá, kiểm định.

4. Phối hợp triển khai các hoạt động khảo sát các bên liên quan; tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ cải tiến chất lượng.

5. Phối hợp theo dõi việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến.

6. Theo dõi, cập nhật việc thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng; tổng hợp kết quả và minh chứng cải tiến.

7. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm và các hoạt động khác về bảo đảm chất lượng theo quy định và kế hoạch của Học viện.

Điều 9. Phương thức làm việc

1. Mạng lưới BĐCL làm việc theo nguyên tắc phối hợp, chủ động, linh hoạt và kịp thời; các thành viên thực hiện vai trò đầu mối theo Quy chế này và phối hợp triển khai nhiệm vụ bảo đảm chất lượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Việc phối hợp thực hiện công việc được tiến hành thông qua trao đổi trực tiếp, văn bản, thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý công việc, cơ sở dữ liệu và các nền tảng số của Học viện hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Trưởng điều phối, Phó điều phối chủ động lựa chọn phương thức phối hợp phù hợp với từng nhiệm vụ, yêu cầu tiến độ và tính chất công việc; trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp, hội nghị, tập huấn, trao đổi chuyên môn hoặc lấy ý kiến các thành viên để thống nhất phương án thực hiện.

4. Thành viên Mạng lưới có trách nhiệm chủ động phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, minh chứng và thực hiện các nhiệm vụ được giao đúng yêu cầu, tiến độ; kịp thời trao đổi với Trưởng điều phối, Phó điều phối Mạng lưới về những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Kết quả phối hợp, ý kiến thống nhất và các nội dung cần theo dõi được ghi nhận bằng hình thức phù hợp để làm căn cứ triển khai, kiểm tra và theo dõi tiến độ. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Học viện, Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục hoặc người đứng đầu đơn vị, điều phối Mạng lưới có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất theo quy định.

Điều 10. Cơ chế phối hợp và xử lý công việc

1. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đầu mối điều phối nghiệp vụ chung. Đơn vị được giao chủ trì một nhiệm vụ chịu trách nhiệm chính về tiến độ, chất lượng và kết quả chung; các đơn vị phối hợp chịu trách nhiệm về tính chính xác, chất lượng và thời hạn của nội dung do đơn vị mình thực hiện hoặc cung cấp.

2. Yêu cầu phối hợp phải xác định rõ nội dung, kết quả cần đạt, dữ liệu hoặc minh chứng cần cung cấp và thời hạn thực hiện. Trường hợp không thể bảo đảm thời hạn, thành viên Mạng lưới có trách nhiệm kịp thời thông tin, báo cáo người đứng đầu đơn vị và Trưởng điều phối, Phó điều phối Mạng lưới, nêu rõ nguyên nhân và đề xuất phương án xử lý.

3. Không yêu cầu đơn vị cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có và bảo đảm chất lượng trên hệ thống dùng chung, trừ trường hợp cần xác minh, cập nhật hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Khi có khác biệt về số liệu, minh chứng, cách hiểu tiêu chí hoặc trách nhiệm phối hợp, các bên chủ động trao đổi để thống nhất. Trường hợp không thống nhất hoặc vượt thẩm quyền, điều phối Mạng lưới BĐCL tổng hợp, báo cáo Giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 11. Quản lý thông tin, dữ liệu, hồ sơ và minh chứng

1. Dữ liệu, hồ sơ và minh chứng bảo đảm chất lượng được quản lý theo quy định của pháp luật, quy định về văn thư, lưu trữ, bảo mật, bảo vệ dữ liệu và các quy định nội bộ của Học viện.

2. Đơn vị tạo lập hoặc quản lý dữ liệu chuyên ngành chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, cập nhật và chất lượng dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao; thành viên Mạng lưới là đầu mối phối hợp rà soát, cung cấp và cập nhật theo yêu cầu nghiệp vụ bảo đảm chất lượng.

3. Hồ sơ, minh chứng phải được sắp xếp khoa học, có nguồn gốc, thời điểm và đơn vị chịu trách nhiệm rõ ràng; ưu tiên số hóa và lưu trữ trên hệ thống của Học viện để bảo đảm khả năng truy xuất, dùng chung và kiểm chứng.

4. Việc khai thác, chia sẻ và công bố thông tin thực hiện đúng phạm vi, thẩm quyền; thành viên Mạng lưới không tự ý cung cấp dữ liệu, hồ sơ nội bộ cho tổ chức, cá nhân bên ngoài khi chưa được phép.

Điều 12. Chế độ báo cáo và theo dõi kết quả

1. Thành viên Mạng lưới là đầu mối tổng hợp, chuyển thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm chất lượng của đơn vị theo kế hoạch hoặc khi có yêu cầu; hạn chế phát sinh báo cáo riêng, trùng lặp.

2. Điều phối Mạng lưới BĐCL tổng hợp kết quả hoạt động của Mạng lưới, tình hình thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch cải tiến chất lượng; báo cáo Giám đốc và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục.

3. Việc theo dõi, đánh giá ưu tiên căn cứ vào kết quả đầu ra, tiến độ, chất lượng dữ liệu, minh chứng và mức độ hoàn thành cải tiến; ưu tiên sử dụng thông tin trên các hệ thống số của Học viện.

Điều 13. Quyền và điều kiện hoạt động của thành viên Mạng lưới BĐCL

1. Được cung cấp thông tin, tài liệu và hướng dẫn nghiệp vụ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về bảo đảm và kiểm định chất lượng theo kế hoạch của Học viện.

2. Được dành thời gian hợp lý trong phạm vi nhiệm vụ được phân công để thực hiện công việc của Mạng lưới; được đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp và hoạt động của Mạng lưới.

3. Được ghi nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ Mạng lưới trong đánh giá công việc theo quy định của Học viện.

4. Được bảo lưu ý kiến chuyên môn và đề nghị ghi nhận ý kiến trong biên bản, báo cáo khi có quan điểm khác nhau về nội dung nghiệp vụ.

Điều 14. Thời gian tham gia Mạng lưới BĐCL

1. Thành viên tham gia Mạng lưới theo quyết định kiện toàn của Giám đốc Học viện. Việc tham gia không mặc nhiên gắn với một nhiệm kỳ cố định của Học viện.

2. Thành viên được thay thế, bổ sung khi thay đổi vị trí công tác, không còn đáp ứng điều kiện thực hiện nhiệm vụ hoặc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị. Việc thay đổi phải bảo đảm bàn giao đầy đủ công việc, hồ sơ, dữ liệu và minh chứng.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Quan hệ với Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục Học viện

1. Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục thực hiện chức năng tư vấn, định hướng và giám sát các hoạt động bảo đảm chất lượng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng.

2. Mạng lưới BDCL là cơ chế phối hợp triển khai nghiệp vụ tại các đơn vị; tiếp nhận và phối hợp triển khai các nhiệm vụ phù hợp theo kế hoạch, kết luận và định hướng về bảo đảm chất lượng đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

3. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, với vai trò đầu mối của Mạng lưới và đơn vị đầu mối chuyên môn về bảo đảm chất lượng, tổng hợp thông tin từ Mạng lưới để phục vụ hoạt động tư vấn, giám sát, đánh giá của Hội đồng; đồng thời truyền đạt, hướng dẫn triển khai các nội dung liên quan đến các đơn vị.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, điều phối, theo dõi và định kỳ rà soát hoạt động của Mạng lưới; tham mưu kiện toàn thành viên và đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này, tạo điều kiện cho thành viên Mạng lưới hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm, cải tiến chất lượng thuộc phạm vi đơn vị.

3. Các thành viên Mạng lưới BDCL có trách nhiệm thực hiện đúng vai trò đầu mối theo Quy chế này; bảo đảm việc tiếp nhận, truyền đạt, theo dõi, tổng hợp và cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung chưa phù hợp, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

VIẾT

ngf